

臺中榮總外籍人士體檢價目表暨檢查同意書(無健保身分者)-越南版

Bảng giá khám sức khỏe tổng quát cho cựu chiến binh Đài Trung và Đơn đồng ý khám cho người nước ngoài (không có bảo hiểm y tế)

姓名 Name(Tên) : _____

病歷號碼 Chart No. (số hồ sơ bệnh án) : _____

A. 移工 Migrant Worker/ lao động nhập cư、外國技術人力 Skilled foreign worker/ cho nhân viên kỹ thuật nước ngoài (初次 lần đầu tiên) :

胸部 X 光檢查(CXR)、梅毒血清檢查(RPR, CIA)、腸內寄生蟲糞便檢查(Stool, micro exam) NT\$3531 元 + 【皮膚科漢生病檢查(Leprosy)】 NT\$1500 元, 共計 NT\$5031 元

Xét nghiệm X-quang ngực (CXR), xét nghiệm huyết thanh giang mai (RPR, CIA), xét nghiệm phân ký sinh trùng đường ruột (Phân, xét nghiệm vi thể) 3531 Đài tệ + [Bệnh phong da liễu] 1500 Đài tệ, tổng cộng 5031 Đài tệ

若額外檢驗【麻疹及德國麻疹抗體檢查(Measles/Rubella IgG) NT\$1060 元】 = 共計 NT\$6091 元

Nếu xét nghiệm bổ sung [xét nghiệm kháng thể sởi và rubella (Sởi/Rubella IgG) 1060 Đài tệ] = tổng cộng 6091 Đài tệ

若額外施打【麻疹腮腺炎德國麻疹混合疫苗(MMR vaccine) NT\$1267 元】 = 共計 NT\$6298 元

Nếu tiêm bổ sung [vắc xin sởi quai bị rubella (vắc xin MMR) 1267 Đài tệ] = tổng cộng 6298 Đài tệ

B. 移工 Migrant Worker/ lao động nhập cư、外國技術人力 Skilled foreign worker/ cho nhân viên kỹ thuật nước ngoài (非初次 Không phải lần đầu tiên) :

胸部 X 光檢查(CXR)、腸內寄生蟲糞便檢查(Stool, micro exam) NT\$2713 元 + 皮膚科漢生病檢查 (Leprosy) NT\$1500 元 共計 NT\$4213 元

Xét nghiệm X-quang ngực (CXR), xét nghiệm phân ký sinh trùng đường ruột (Phân, xét nghiệm vi thể) 2713 Đài tệ + da liễu Xét nghiệm bệnh Hán (Bệnh phong) 1500 Đài tệ tổng cộng 4213 Đài tệ

C. 居留或定居 Residence Application(cư trú hoặc định cư) :

胸部 X 光檢查(CXR)、梅毒血清檢查(RPR, CIA)、腸內寄生蟲糞便檢查(Stool, micro exam) NT\$3531 元 + 【皮膚科漢生病檢查(Leprosy)】 NT\$1500 元, 共計 NT\$5031 元

Xét nghiệm X-quang ngực (CXR), xét nghiệm huyết thanh giang mai (RPR, CIA), xét nghiệm phân ký sinh trùng đường ruột (Phân, xét nghiệm vi thể) 3531 Đài tệ + [Bệnh phong da liễu] 1500 Đài tệ, tổng cộng 5031 Đài tệ

若額外檢驗【麻疹及德國麻疹抗體檢查(Measles/Rubella IgG) NT\$1060 元】 = 共計 NT\$6091 元

Nếu xét nghiệm bổ sung [xét nghiệm kháng thể sởi và rubella (Sởi/Rubella IgG) 1060 Đài tệ] = tổng cộng 6091 Đài tệ.

若額外施打【麻疹腮腺炎德國麻疹混合疫苗(MMR vaccine) NT\$1267 元】 = 共計 NT\$6298 元

Nếu tiêm bổ sung [vắc xin sởi quai bị rubella (vắc xin MMR) 1267 Đài tệ] = tổng cộng 6298 Đài tệ

◇ 體檢價格依下述特殊情況而有不同。Giá khám sức khỏe thay đổi theo các trường hợp đặc biệt sau

1. 15 歲以下兒童免驗梅毒血清檢查(RPR, CIA)。Trẻ em dưới 15 tuổi không cần xét nghiệm huyết thanh giang mai (RPR, CIA)
2. 孕婦或 12 歲以下兒童免驗胸部 X 光檢查(CXR)。Chụp X-quang ngực (CXR) không bắt buộc đối với phụ nữ mang thai hoặc trẻ em dưới 12 tuổi
3. 來自部份之國家/地區者(依疾管署公告)免驗腸內寄生蟲糞便檢查(Stool, micro exam)。Người đến từ một số quốc gia/khu vực (theo thông báo của CDC) không cần xét nghiệm ký sinh trùng đường ruột và phân (Stool, micro exam)

4. 來自部份之國家/地區者(依疾管署公告)免驗皮膚漢生病檢查(Leprosy)。Người dân từ một số quốc gia/khu vực (theo thông báo của CDC) không cần xét nghiệm bệnh Han ngoài da (Leprosy)
5. 外籍配偶育齡婦女: 針對來台申請居留/定居且無德國麻疹相關疫苗接種證明, 或經檢測不具德國麻疹抗體出具證明者, 提供 1 劑 MMR 疫苗接種。Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có vợ hoặc chồng là người nước ngoài: Đối với những người đến Đài Loan xin định cư/định cư và không có bằng chứng tiêm phòng sởi Đức hoặc không có bằng chứng kháng thể sởi Đức sau khi xét nghiệm sẽ được cung cấp một liều vắc xin MMR.

D. 外國語文教師 Foreign Language Teacher/giáo viên ngoại ngữ. (初次 lần đầu tiên):

胸部 X 光檢查(CXR)、梅毒血清檢查(RPR, CIA) 共計 NT\$3420

Chụp X-quang ngực (CXR), xét nghiệm huyết thanh giang mai (RPR, CIA) tổng cộng 3420 Đài tệ

若額外檢驗【麻疹及德國麻疹抗體檢查(Measles/Rubella IgG) NT\$1060 元】= 共計 NT\$4480

Nếu xét nghiệm bổ sung [xét nghiệm kháng thể sởi và rubella (Sởi/Rubella IgG) 1060 Đài tệ] = tổng cộng 4480 Đài tệ

若額外施打【麻疹腮腺炎德國麻疹混合疫苗(MMR vaccine) NT\$1267 元】= 共計 NT\$4687

Nếu tiêm bổ sung [vắc xin MMR (vắc xin MMR) 1267 Đài tệ] = tổng cộng 4687 Đài tệ

E. 外國語文教師 Foreign Language Teacher/giáo viên ngoại ngữ (展延 Sự mở rộng):

胸部 X 光檢查(CXR) 共計 NT\$2602 元

Chụp X-quang ngực (CXR) tổng cộng 2602 Đài tệ

若額外檢驗【麻疹及德國麻疹抗體檢查(Measles/Rubella IgG) NT\$1060 元】= 共計 NT\$3662 元

Nếu xét nghiệm bổ sung [xét nghiệm kháng thể sởi và rubella (Sởi/Rubella IgG) 1060 Đài tệ] = tổng cộng 3662 Đài tệ

若額外施打【麻疹腮腺炎德國麻疹混合疫苗(MMR vaccine) NT\$1267 元】= 共計 NT\$3869 元

Nếu xét nghiệm bổ sung [xét nghiệm kháng thể sởi và rubella (Sởi/Rubella IgG) 1267 Đài tệ] = tổng cộng 3869 Đài tệ

F. 外國技術人員 Skilled Foreign worker/ cho nhân viên kỹ thuật nước ngoài (工作滿三年 Ba năm kinh nghiệm làm việc):

胸部 X 光檢查(CXR) 共計 NT\$2602 元

Chụp X-quang ngực (CXR) tổng cộng 2602 Đài tệ

本檢查項目係根據衛生福利部疾病管制署之規定，

Hạng mục kiểm tra này dựa trên các quy định của Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh của Bộ Y tế và Phúc lợi
 經告知了解健檢內容及所需費用後，本人_____ (signature) 同意接受第_____項健康檢查，
 共 NT\$_____ 元，

(Sau khi được thông báo về nội dung và chi phí khám sức khỏe, tôi (chữ ký) đồng ý tiếp nhận khám sức khỏe cho hạng mục, tổng số tiền là Đài tệ.)

若因身體疾病或因應衛生福利部疾病管制署之規定，本人亦同意後續延伸檢查及治療費用，謹此證明。

(Nếu do bệnh tật hoặc để đáp ứng các quy định của Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh của Bộ Y tế và Phúc lợi, tôi cũng đồng ý với các chi phí khám và điều trị kéo dài tiếp theo, và xin xác nhận.)

_____年(Năm)_____月(mặt trăng)_____日(ngày)